

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày 03/6/2026

Về việc: “Ly hôn, Tranh chấp
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đồng.

2. Bà Trần Thị Phước Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm: 1992; Địa chỉ: thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Nơi ở hiện tại: No. 176, Wuhe street, Qionglin T, H, T1.

- Bị đơn: Ông Đỗ Chí T2, sinh năm: 1992; Địa chỉ: A, ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/11/2026, đơn xin xét xử vắng mặt; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc D trình bày:

Bà và bị đơn là ông Đỗ Chí T2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ), nay là Ủy Ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/4/2015. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng cùng chung sống vui vẻ, hạnh phúc với nhau đến khoảng thời gian đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau mặc dù nhiều lần hoà giải nhưng đều không thành, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn nên bà và ông T2 đã

sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay. Đến đầu năm 2021, bà đã sang Đài Loan làm việc, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng xa cách, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa bà và ông T2 đi vào bế tắc không thể hàn gắn với nhau được. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà và ông T2 có 01 con chung tên là Đỗ Chí T3, sinh ngày 13/7/2015 hiện do bà đang nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà đang sinh sống và làm việc tại No. 176, Wuhe street, Qionglin T, H, T1 nên sẽ không tham gia trình tự, thủ tục xét xử ly hôn được, bà xin Toà án xét xử ly hôn vắng mặt. Mọi phán quyết của Toà án bà chấp nhận và không có khiếu nại.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2026, đơn xin xét xử vắng mặt; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Chí T2 trình bày:

Ông và bà Phan Thị Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015 tại Ủy Ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ). Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Đỗ Chí T3 sinh ngày 13/7/2015, sau đó xảy ra mâu thuẫn và ly thân nhiều năm nay. Nay bà D xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà D do vợ chồng không còn tiếng nói chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Chí T3 sinh ngày 13/7/2015, ông đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bận công việc riêng không thể sắp xếp thời gian đến Toà án để giải quyết về việc ly hôn với bà D nên ông xin được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa. Các ý kiến ông trình bày là hoàn toàn tự nguyện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Toà án thụ lý vụ án đúng quy định; Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn trong giai đoạn xét xử, thu thập tài liệu. Chứng cứ đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc D được ly hôn với ông Đỗ Chí T2.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của bà D và ông T2 là Đỗ Chí T3, sinh ngày 13/7/2015 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà D không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D, ông T2 trình bày không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Phan Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Chí T2 là ly hôn, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc D hiện đang ở nước ngoài, bị đơn ông Đỗ Chí T2 hiện đang sinh sống và làm việc ở xã H, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 7- Vĩnh Long.

- Bà D và ông T2 cùng có đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt nên căn cứ các Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

2. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông T2 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (cũ), nay là Ủy Ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long, vào ngày 10/4/2015 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà D và ông T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà đã xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau.

Bà D và ông T2 đều trình bày: ông bà đã sống ly thân với nhau đã nhiều năm do ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hiện tại, ông bà đã không còn tin tưởng nhau, cuộc sống vợ chồng đã không thể hàn gắn.

Hội đồng xét xử thấy rằng bà D và ông T2 đều thống nhất thuận tình ly hôn. Hiện tại, ông bà không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình trong một thời gian dài; vợ chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau. Bà D đã sinh sống và làm việc tại Đài Loan từ đầu năm 2021, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng xa cách, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà D và ông T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà D cho bà D được ly hôn với ông T2.

- *Về con chung*: bà D và ông T2 có 01 con chung tên là Đỗ Chí T3, sinh ngày 13/7/2015, hiện do bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, con chung của bà D, ông T2 đã trên 7 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên cho bà D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T2 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do bà D không yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D và ông T2 đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- *Về án phí*: bà D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 464; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Thị Ngọc D được ly hôn với ông Đỗ Chí T2.

2. *Về con chung*: Bà Phan Thị Ngọc D và ông Đỗ Chí T2 có 01 con chung tên là Đỗ Chí T3, sinh ngày 13/7/2015. Giao con chung chưa thành niên tên là Đỗ Chí T3 cho bà D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T2 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà D không có yêu cầu.

Ông T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông T2 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D và ông T2 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phan Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp (do ông Hồ Tấn X nộp thay) theo biên lai thu số 0002066 ngày 28/01/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*:

- Ông Đỗ Chí T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Bà Phan Thị Ngọc D hiện đang ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hưng Nhượng, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thế Trang Đền

